TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN H** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST Ngày: 28/4/2023 Về việc tranh chấp ly hôn.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Phương.**

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà **Tạ Thị Thà**.

- Bà **Lương Mai Ngân.**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Đỗ Duy Trung** – Thư ký Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Tư -** Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1022/2022/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXX - ST ngày 23 tháng 3 năm 2023; theo Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10/4/2023, giữa:

*** Nguyên đơn:** Bà **Ngô Thị T**, sinh năm 1957; Có mặt.

HKTT: Xóm 1, tổ 21, phường Đ, quận H, Thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú: Số 14 ngõ 337 ngách 27 phố Đ, phường Đ, quận H, Thành phố Hà Nội.

* Bị đơn: Ông Lê Văn A**,** sinh năm 1955; Vắng mặt.

HKTT: Xóm 1, tổ 21, phường Đ, quận H, Thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú: Số 2 ngõ 282 ngách 20, phố Đ, phường Đ, quận H, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Bà Ngô Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà kết hôn với Ông Lê Văn A vào ngày 26/11/1977, trước khi cưới có tự nguyện tìm hiểu, có đăng kí kết hôn tại UBND xã Đ (nay là phường Đ, quận H, Hà Nội, đây là lần kết hôn thứ nhất.

Sau khi đăng kí kết hôn ông bà chung sống tại phường Đ từ đó cho đến nay. Vợ chồng chung ông bà sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hòa hợp và bất đồng quan điểm sống, bên cạnh đó do có thời gian bà nghe nói Ông Lê Văn A có quan hệ ngoại tình với người khác và có con chung, từ đó vợ chồng hay cãi nhau tình cảm vợ chồng ngày một lạnh nhạt. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất vào năm 2017, từ đó vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý và không còn quan tâm đến nhau.

Nay bà xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và Ông Lê Văn A không còn, đời sống chung không thể kéo dài, đề nghị Tòa cho ly hôn để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Bà Tuyến xác nhận vợ chồng có 05 con chung là chị Lê Thị Hương, sinh ngày 10/3/2079; chị Lê Thị Thu Hiền, sinh ngày 07/3/1982; chị Lê Thị Hòa, sinh ngày 24/4/1984; chị Lê Thị Hồng, sinh ngày 18/8/1986; chị Lê Thị Hạnh, sinh ngày 18/8/1986. Hiện nay các con đã trưởng thành và có gia đình riêng; Ly hôn không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung của vợ chồng (Động sản + bất động sản): Vợ chồng ông bà tự thỏa thuận, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung của vợ chồng: Vợ chồng ông bà không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng ông bà, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết**.**

Tại phiên tòa: Bà Ngô Thị T vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Ông Lê Văn A. Ly hôn về con chung; về cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và các khoản nợ chung bà Tuyến xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận H có quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của HĐXX và những người tham gia tố tụng: Tòa án nhân dân quận H thụ lý đơn xin ly hôn của Bà Ngô Thị T đối với Ông Lê Văn A là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật TTDS. Sau khi thụ lý Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 195, 196,

197 Bộ luật TTDS; Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án không có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

Tại phiên tòa, HĐXX, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không có mặt theo giấy báo, thông báo đến Tòa ghi lời khai, thông báo các phiên hòa giải của Tòa án và không tham gia phiên toà mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà, bị đơn đã vi phạm khoản 16 điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 56, của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/UBNTQH quy định về án phí năm 2016: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Ngô Thị T về việc xin ly hôn với Ông Lê Văn A; Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và các khoản nợ chung, bà Tuyến xác nhận không có và không có yêu cầu gì, nên không xét; Bà Tuyến không phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Ngô Thị T có đơn ly hôn đối với Ông Lê Văn A; nơi cư trú: Số 2 ngõ 282 ngách 20, phố Đ, phường Đ, quận H, Thành phố Hà Nội, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Quá trình giải quyết Toà án nhân dân quận H đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho Ông Lê Văn A, tuy nhiên sau khi nhận được các văn bản tố tụng Ông Lê Văn A không đến Tòa trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các buổi làm việc Ông Lê Văn A đều vắng mặt không có lý do nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Vì vậy Tòa án nhân dân quận H ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 10/4/2023 Ông Lê Văn A vắng mặt không có lý do; vì vậy Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 điều 227, điều 233, khoản 2 điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và ấn định phiên toà được mở vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 28/4/2023. Tại phiên toà hôm nay Ông Lê Văn A vẫn vắng mặt không có lý do nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 điều

227, khoản 3 điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị T kết hôn với Ông Lê Văn A vào ngày 26/11/1977, trước khi đăng kí kết hôn hai bên tự nguyện tìm hiểu và có đăng kí kết hôn tại UBND xã Đ (nay là phường Đ, quận H, Thành phố Hà Nội, đây là lần kết hôn thứ nhất. Do vậy HĐXX nhận định đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống tại phường Đ, quận H, Thành phố Hà Nội. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hòa hợp và bất đồng quan điểm sống, bên cạnh đó do bà nghe người ta nói Ông Lê Văn A có quan hệ ngoại tình với người khác và có con, từ đó vợ chồng hay cãi nhau tình cảm vợ chồng ngày một lạnh nhạt. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất vào năm 2017, từ đó vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý và không còn quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa Bà Ngô Thị T và Ông Lê Văn A đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, bà Tuyến xin ly hôn là có căn cứ, do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Tuyến, xử cho Bà Ngô Thị T được ly hôn Ông Lê Văn A là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Xác định Bà Ngô Thị T và Ông Lê Văn A có 05 con chung là chị Lê Thị Hương, sinh ngày 10/3/2079; chị Lê Thị Thu Hiền, sinh ngày 07/3/1982; chị Lê Thị Hòa, sinh ngày 24/4/1984; chị Lê Thị Hồng, sinh ngày 18/8/1986; chị Lê Thị Hạnh, sinh ngày 18/8/1986. Hiện nay các con đã trưởng thành và có gia đình riêng; Ly hôn không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy HĐXX không xem xét giải quyết về con chung.

Về tài sản chung (động sản + bất động sản) và các khoản nợ chung: Bà Ngô Thị T xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận, không có các khoản nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không giải quyết.

[3] Về án phí: Xét đơn xin miễn án phí của Bà Ngô Thị T. Căn cứ vào điều 2 của Luật Người cao tuổi năm 2009; điểm f khoản 1 điều 11; điểm đ khoản 1 điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; HĐXX xét Bà Ngô Thị T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009;

Căn cứ vào điểm f khoản 1 điều 11; điểm đ khoản 1 điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

2. *Xử:* - Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Ngô Thị T. Cho Bà Ngô Thị T ly hôn Ông Lê Văn A.

- *Về con chung:* Không xét.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Không xét.

- *Về tài sản chung (động sản và bất động sản) và nợ chung*: Bà Ngô Thị T xác nhận tự thỏa thuận, ly hôn không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xét.

3. *Về án phí:* Bà Ngô Thị T không phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo:*

Bà Ngô Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

Ông Lê Văn A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND quận H;
- Chi cục THA dân sự quận H;
- UBND phường Đ, quận H, Hà Nội; (GCNKH số 122, ngày 26/11/1977)
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Xuân Phương